

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **115/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 223/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà D. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông L. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D trình bày: Vào năm 2016, bà D và ông L cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/4/2017. Quá trình chung sống hai người có 01 người con chung là cháu P sinh ngày 19/6/2017, hiện đang sống chung với bà D. Do hai người có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên mâu thuẫn và cãi nhau.

Nay bà D nhận thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Về hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông L.
- + Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu P đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Bà D trình bày không có, nên bà D không yêu cầu giải quyết.

Do bà D bận rất nhiều công việc không có thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng được, nên bà D xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan bà D vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện là xin ly hôn với ông L và được trực tiếp nuôi con chung là cháu P. Bà D cam kết không khiếu nại gì về sau.

- *Bị đơn ông L:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà D vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân, bà D yêu cầu được ly hôn với ông L; về con chung, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu P sinh ngày 19/6/2017, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, bà D trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông L là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia

phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/4/2017, nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà D trình bày sau khi kết hôn quá trình chung sống hai người có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên mâu thuẫn và cãi nhau, do nhận thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông L. Tại Biên bản lấy khai ngày 26/8/2022, ông S và bà T (là cha mẹ ruột của bà D và là cha mẹ vợ của ông L) xác nhận: Trước đây bà D và ông L sống chung với nhau tại nhà của cha mẹ ruột ông L, sau đó bà D và ông L phát sinh mâu thuẫn bà D đem cháu P về sống tại nhà của ông S và bà T. Nguyên nhân bà D và ông L mâu thuẫn thì bà D cũng có kể sơ lược cho ông S và bà T nghe, do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên mâu thuẫn và cãi nhau, từ đó bà D và ông L ly thân với nhau cách nay khoảng 04 năm; cháu P đang sống cùng với bà D, ông S và bà T. Lời trình bày ông S và bà T cho thấy việc giữa bà D và ông L có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo như lời trình bày của bà D là sự việc có thật, do không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng nên hai người đã sống ly thân với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù ông L biết được việc bà D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L nhưng trong những lần Tòa án mời hòa giải thì ông L đều vắng mặt, từ đó mà Tòa án đã không tiến hành hòa giải được; giữa bà D và ông L cũng không tìm ra được cách thức để hàn gắn tình cảm và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau.

[5] Như vậy, việc bà D và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau, mỗi người sống ở một nơi và không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà D vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông L. Vì vậy, việc bà D yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết cho bà D được ly hôn với ông L.

[6] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông L có với nhau 01 người con chung là cháu P sinh ngày 19/6/2017. Hiện nay, cháu P đang sống cùng với bà D và do bà D trực tiếp nuôi dưỡng; bà D có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; việc tiếp tục giao cháu P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P của bà D và giải quyết giao cháu P cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không ai

được cản trở ông L thực hiện các quyền này. Ông L không được lạm dụng việc thăm nom cháu P để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P của bà D. Trường hợp ông L có các hành vi này thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu P của ông L. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi cháu P, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông L. *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 15/4/2017, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp)*

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu P sinh ngày 19/6/2017 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không ai được cản trở ông L thực hiện các quyền này.

- Ông L không được lạm dụng việc thăm nom cháu P để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P của bà

D. Trường hợp ông L có các hành vi này thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu P của ông L theo quy định của pháp luật.

- Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi cháu P có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi cháu P, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.5. Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà D không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà D đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004654, ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà D đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt